

**ĐẠI HỌC HUẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



**ĐẶNG THỊ THANH NGÂN**

**BẢO HỘ VÀ THỰC THI QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**  
**ĐỐI VỚI CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “TRÀ MY” CHO SẢN PHẨM**  
**QUẾ CỦA TỈNH QUẢNG NAM**

**Chuyên ngành: Luật Kinh tế**

**Mã số: 838 01 07**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**THỪA THIÊN HUẾ, năm 2019**

Công trình được hoàn thành tại:  
**Trường Đại học Luật, Đại học Huế**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. TRẦN VĂN HẢI**

Phản biện 1: .....

Phản biện 2: .....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn thạc sĩ họp  
tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng ..... năm.....

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
1. Lý do chọn đề tài .....	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu .....	1
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu .....	4
4. Đối tượng nghiên cứu .....	4
5. Phạm vi nghiên cứu .....	5
6. Phương pháp nghiên cứu .....	5
7. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn .....	6
8. Kết cấu của Luận văn .....	6
<b>Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KHUNG PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ VÀ THỰC THI QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI CHỈ DẪN ĐỊA LÝ</b> .....	<b>7</b>
1.1. Khái quát về chỉ dẫn địa lý và quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý .....	7
1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của chỉ dẫn địa lý .....	7
1.1.2. Khái niệm, đặc điểm của quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý .....	9
1.2. Khái quát về bảo hộ và thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý .....	9
1.2.1. Khái niệm, đặc điểm bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý .....	9
1.2.2. Khái niệm, đặc điểm thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý .....	10
1.3. Khái quát nội dung pháp luật về bảo hộ và thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý .....	12
1.3.1. Nguồn của pháp luật về bảo hộ và thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý .....	12
1.3.2. Khái quát nội dung của pháp luật Việt Nam về bảo hộ và thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý .....	13
<b>TIỂU KẾT CHƯƠNG 1</b> .....	<b>14</b>
<b>Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ VÀ THỰC THI QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI CHỈ DẪN ĐỊA LÝ VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CHỈ DẪN ĐỊA LÝ QUÊ TRÀ MY</b> .....	<b>15</b>
2.1. Quy định của pháp luật Việt Nam về bảo hộ và thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý .....	15

2.1.1. Quy định của pháp luật Việt Nam về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý .....	15
2.1.2. Quy định của pháp luật Việt Nam về thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý.....	16
2.2. Thực tiễn bảo hộ và thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý Quế Trà My .....	20
2.2.1. Khái quát về chỉ dẫn địa lý Quế Trà My .....	20
2.2.2. Thực tiễn bảo hộ chỉ dẫn địa lý Quế Trà My .....	20
2.2.3. Thực tiễn khai thác, quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý Quế Trà My... ..	21
2.2.4. Thực tiễn phát hiện và xử lý hành vi xâm phạm quyền đối với chỉ dẫn địa lý Quế Trà My .....	22
<b>TIÊU KẾT CHƯƠNG 2 .....</b>	<b>23</b>
<b>Chương 3. PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ VÀ THỰC THI QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI CHỈ DẪN ĐỊA LÝ.....</b>	<b>23</b>
3.1. Phương hướng hoàn thiện và tổ chức thực thi pháp luật về chỉ dẫn địa lý .....	23
3.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo hộ và thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý .....	24
3.2.1. Hoàn thiện các quy định về đăng ký chỉ dẫn địa lý .....	24
3.2.2. Hoàn thiện quy định quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý .....	24
3.2.3. Hoàn thiện cơ chế thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý .....	24
3.3. Các giải pháp tổ chức thực hiện pháp luật bảo hộ và thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý .....	26
3.3.1. Các giải pháp chung .....	26
3.3.2. Giải pháp cho huyện Bắc Trà My và Nam Trà My tỉnh Quảng Nam .....	26
<b>TIÊU KẾT CHƯƠNG 3.....</b>	<b>28</b>
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>30</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Quảng Nam là một tỉnh thuộc vùng duyên hải Nam trung bộ, Việt Nam được thiên nhiên ban tặng cho nhiều thổ sản quý giá như trầm hương, yến sào, mật ong, sâm... trong đó Quế Trà My đã trở nên nổi tiếng với mỹ từ “Cao sơn ngọc quế” bởi chất lượng của nó không có loại quế nào sánh được. Qua các kết quả nghiên cứu và sự đúc kết từ thực tiễn có thể thấy rằng, chính sự sở hữu một nguồn giống gốc “Quế Trà My” cùng với những tính chất đặc thù về điều kiện tự nhiên, khí hậu, thổ nhưỡng, những yếu tố độc đáo về kỹ năng trong quy trình chăm sóc chế biến của người dân đã tạo nên những tính chất đặc trưng cả về hình thái và chất lượng vượt trội của sản phẩm quế Trà My. Qua những thăng trầm của tự nhiên và lịch sử, Quế Trà My ngày càng đóng góp rõ nét trong nền kinh tế của địa phương, là loại cây trồng chủ lực, góp phần xóa đói giảm nghèo, ổn định và cải thiện đời sống của đồng bào các dân tộc miền núi Trà My.

Sản phẩm quế Trà My đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng bảo hộ chỉ dẫn địa lý. Tuy nhiên, việc xây dựng, quản lý và khai thác chỉ dẫn địa lý “Trà My” cho sản phẩm quế mới chỉ dừng lại ở kết quả đăng ký xác lập quyền, chưa thực hiện các nội dung về quản lý, sử dụng và khai thác chỉ dẫn địa lý một cách có hiệu quả nhằm mang lại giá trị kinh tế cho người sản xuất, kinh doanh và địa phương. Mặc dù chỉ dẫn địa lý “Trà My” cho sản phẩm quế đã được đăng bạ, công nhận nhưng nếu quá trình quản lý và khai thác chưa được triển khai thì những giá trị của chỉ dẫn địa lý chưa được thể hiện trên thực tế, quan trọng hơn là những mong muốn và sự chờ đợi của người sản xuất chưa được đáp ứng, sản phẩm quế Trà My chưa được phát triển về sản lượng, quản lý và khai thác giá trị “thương hiệu” của nó để đưa lại giá trị cao cho người trồng quế. Trước tình hình đó, để phát huy giá trị chỉ dẫn địa lý cần thiết phải có những nghiên cứu về giải pháp nhằm nâng cao chất lượng của hoạt động bảo hộ và thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý, do đó tác giả đã lựa chọn đề tài: Bảo hộ và thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý “Trà My” cho sản phẩm quế của tỉnh Quảng Nam để có thể ứng dụng vào thực tiễn tại tỉnh Quảng Nam nhằm nâng cao giá trị thương mại cho sản phẩm quế trên thị trường, đồng thời bảo tồn giá trị văn hóa của huyện Bắc Trà My và Nam Trà My.

### 2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Việc bảo hộ sở hữu trí tuệ nói chung và sở hữu công nghiệp nói riêng trong thời gian gần đây mới bắt đầu được quan tâm nhưng chưa

đúng mức. Đặc biệt đối với chỉ dẫn địa lý – một trong các đối tượng bảo hộ sở hữu công nghiệp có rất ít bài viết, công trình nghiên cứu về vấn đề này ở Việt Nam như:

Ninh Thị Thanh Thủy (2009), “*Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý theo pháp luật Việt Nam, Luận văn thạc sĩ*”, Trường Đại học quốc gia Hà Nội.

Nội dung đề tài nghiên cứu một cách tổng thể các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam về bảo hộ chỉ dẫn địa lý, đồng thời đưa ra các hình thức bảo hộ chỉ dẫn địa lý trên thế giới như: Theo hệ thống đăng ký riêng; thông qua đăng ký nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận theo luật nhãn hiệu hàng hóa; theo luật chống cạnh tranh lành mạnh. Ngoài ra, đề tài cũng đã nghiên cứu thực trạng hoạt động bảo hộ chỉ dẫn địa lý ở Việt Nam. Qua đó, tác giả đưa ra các yêu cầu và kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định về bảo hộ chỉ dẫn địa lý ở Việt Nam.

Nguyễn Thị Hương (2015), “*Bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với chỉ dẫn địa lý – kinh nghiệm của một số nước và thực tiễn tại Việt Nam*”, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học quốc gia Hà Nội.

Nội dung của đề tài đã làm rõ cơ sở khoa học về bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với chỉ dẫn địa lý, sau khi phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với chỉ dẫn địa lý của Việt Nam và kinh nghiệm một số nước trên thế giới về bảo hộ chỉ dẫn địa lý, luận văn cũng đã đề xuất các giải pháp tăng cường bảo hộ chỉ dẫn địa lý nhằm phát triển và gia tăng giá trị cho các sản phẩm chỉ dẫn địa lý của Việt Nam trên thị trường trong nước và quốc tế.

Vũ Thị Hải Yên (2008), “*Bảo hộ chỉ dẫn địa lý ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế*”, Luận án Tiến sĩ Luật, Trường Đại học Luật Hà Nội.

Qua việc phân tích chuyên sâu pháp luật thực định, luận án đã chỉ ra những nội dung còn bất cập trong pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam về bảo hộ chỉ dẫn địa lý, đó là: Quy định chưa rõ ràng về điều kiện bảo hộ chỉ dẫn địa lý; quy định không hợp lý về chủ thể có quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý; thiếu các quy định cụ thể về quản lý việc sử dụng chỉ dẫn địa lý; quy định về hành vi xâm phạm chỉ dẫn địa lý chưa đủ mạnh; các căn cứ xác định thiệt hại do xâm phạm sở hữu trí tuệ chưa rõ ràng. Luận án cũng đã chỉ ra cách giải quyết xung đột giữa bảo hộ chỉ dẫn địa lý và bảo hộ nhãn hiệu – vấn đề khá phức tạp và gây nhiều tranh cãi trong pháp luật quốc gia và quốc tế. Tác giả đã đưa ra một số giải pháp có giá trị khắc phục những tồn tại, hạn chế hiện nay trong việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý: Bổ sung quy định về logo chung cho sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý;

bổ sung quy định về bảo đảm thông tin bí mật liên quan đến chỉ dẫn địa lý; bổ sung quy định hướng dẫn cụ thể về vấn đề giám định sở hữu trí tuệ.

Lê Thị Thu Hà (2010), “*Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp dưới góc độ thương mại đối với chỉ dẫn địa lý của Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế*”, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Trường Đại học Ngoại thương.

Luận án đã phân tích và làm rõ mối liên hệ giữa khái niệm chỉ dẫn địa lý dưới góc độ thương mại và dưới góc độ pháp lý. Đánh giá thực trạng hoạt động bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp dưới góc độ thương mại đối với chỉ dẫn địa lý của Việt Nam và kinh nghiệm một số quốc gia trên thế giới. Trên cơ sở xác định những yêu cầu của bảo hộ chỉ dẫn địa lý Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, luận án đã đề xuất các quan điểm cần quán triệt trong hoạt động bảo hộ chỉ dẫn địa lý ở Việt Nam. Từ đó đưa ra các giải pháp nhằm phát triển và gia tăng giá trị cho các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý của Việt Nam trên thị trường trong nước và quốc tế.

Nguyễn Thị Phương Hải (2012), “*Xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý theo pháp luật Việt Nam*”, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường đại học quốc gia Hà Nội.

Luận văn đã đưa ra các khái niệm về hành vi xâm phạm quyền đối với chỉ dẫn địa lý và các dạng hành vi xâm phạm quyền đối với chỉ dẫn địa lý, so sánh các quy định của pháp luật qua các thời kỳ về hành vi xâm phạm quyền đối với chỉ dẫn địa lý. Đề tài đi sâu vào việc phân tích, nhận định so sánh và đánh giá các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về xử lý hành vi xâm phạm quyền đối với chỉ dẫn địa lý từ góc độ lý luận và thực tiễn. Từ đó đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về xử lý hành vi xâm phạm quyền đối với chỉ dẫn địa lý phù hợp với thực tiễn và các điều ước đa phương và song phương mà Việt Nam đã ký kết. Đồng thời nâng cao sự hiểu biết của người dân về xử lý hành vi xâm phạm quyền đối với chỉ dẫn địa lý để chỉ dẫn địa lý ngày càng phát huy giá trị trên thực tế.

Nhìn chung các công trình nghiên cứu trên đây đều đã khẳng định trong xu hướng phát triển nền kinh tế tri thức hiện nay, quyền sở hữu trí tuệ ngày càng khẳng định vị trí then chốt trong nền kinh tế quốc dân, là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế các nước trong bối cảnh hội nhập, đồng thời tạo ra môi trường pháp lý lành mạnh để phát huy vai trò tích cực của các hoạt động sáng tạo của con người. Tuy nhiên các công trình trên chỉ dừng lại ở góc độ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ mà chưa đi

sâu vào vấn đề thực thi quyền sở hữu trí tuệ đối với chỉ dẫn địa lý mặc dù bảo hộ và thực thi là hai khâu có liên quan chặt chẽ với nhau trong quá trình bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp. Hơn nữa, tại tỉnh Quảng Nam đến nay cũng chưa có công trình nghiên cứu nào về chỉ dẫn địa lý, do vậy tác giả nhận thấy cần thiết phải tiếp tục việc nghiên cứu ở phương diện đầy đủ, toàn diện hơn, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế của địa phương, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh quốc tế.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1. Mục đích nghiên cứu**

Mục đích nghiên cứu của luận văn là làm rõ cơ sở khoa học về bảo hộ và thực thi quyền SHCN đối với chỉ dẫn địa lý; sau khi phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động bảo hộ và thực thi quyền SHCN đối với chỉ dẫn địa lý Trà My cho sản phẩm quế của tỉnh Quảng Nam và kinh nghiệm một số vùng miền trong cả nước về bảo hộ quyền SHCN đối với chỉ dẫn địa lý, luận văn đề xuất các giải pháp tăng cường bảo hộ và thực thi quyền SHCN đối với chỉ dẫn địa lý Trà My cho sản phẩm quế nhằm phát triển và gia tăng giá trị cho các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý của tỉnh Quảng Nam nói riêng và Việt Nam nói chung trên thị trường trong nước và quốc tế.

#### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Để đạt được mục đích nghiên cứu trên, Luận văn có các nhiệm vụ nghiên cứu sau đây:

- Phân tích cơ sở lý luận, những quy định của pháp luật về bảo hộ và thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý;
- Khảo sát và phân tích thực trạng các hoạt động xác lập quyền, khai thác và phát triển bền vững, quản lý và bảo vệ chỉ dẫn địa lý của hai huyện Bắc Trà My và Nam Trà My, từ đó làm rõ những mặt tích cực và bất cập trong việc bảo hộ và thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý Quế Trà My trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;
- Đề xuất phương hướng, giải pháp cụ thể để giải quyết những hạn chế, bất cập trong cả lý luận và thực tiễn việc bảo hộ và thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

#### **4. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu chính của luận văn là hoạt động bảo hộ và thực thi quyền SHCN đối với chỉ dẫn địa lý Trà My cho sản phẩm quế của tỉnh Quảng Nam. Hoạt động này diễn ra, vận động trong khuôn khổ pháp lý về bảo hộ chỉ dẫn địa lý. Vì vậy, đối tượng nghiên cứu của luận



vẫn còn là các điều ước quốc tế và các quy định của Việt Nam về vấn đề này.

## **5. Phạm vi nghiên cứu**

Luận văn giới hạn phạm vi nghiên cứu ở vấn đề bảo hộ và thực thi quyền SHCN đối với chỉ dẫn địa lý.

Về không gian, luận văn chỉ nghiên cứu chỉ dẫn địa lý “Trà My” cho sản phẩm quế của tỉnh Quảng Nam.

Về thời gian, luận văn nghiên cứu hoạt động bảo hộ và thực thi chỉ dẫn địa lý từ khi Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam được ban hành vào năm 2005 đến năm 2018.

Địa bàn nghiên cứu: Phạm vi huyện Bắc Trà My và huyện Nam Trà My.

## **6. Phương pháp nghiên cứu**

### **6.1. Phương pháp luận**

Luận văn sử dụng phương pháp nghiên cứu khoa học duy vật lịch sử và duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lê nin như một phương pháp chung, toàn diện cho toàn bộ đề tài.

### **6.2. Phương pháp cụ thể**

- Phương pháp phân tích và tổng hợp lý thuyết: Việc phân tích sẽ nghiên cứu các tài liệu, lý luận khác nhau bằng cách phân tích chúng thành từng bộ phận để tìm hiểu sâu sắc về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý. Việc tổng hợp sẽ liên kết từng khía cạnh, từng bộ phận thông tin đã được phân tích tạo ra một hệ thống lý thuyết đầy đủ và sâu sắc về đối tượng. Phương pháp này được sử dụng ở Chương 1 và nửa đầu Chương 2.

- Phương pháp so sánh: Phương pháp này sẽ được sử dụng trong một phần Chương 1 khi tiếp cận kinh nghiệm từ các địa phương khác để tìm ra bài học cho huyện Bắc Trà My và Nam Trà My.

- Phương pháp thu thập, tổng hợp, phân tích: Được sử dụng trong Chương 2 để thu thập, tổng hợp số liệu và phân tích số liệu để nói lên thực trạng thực thi quyền sở hữu công nghiệp về chỉ dẫn địa lý Trà My cho sản phẩm quế của tỉnh Quảng Nam.

- Phương pháp điều tra: Được sử dụng ở một phần Chương 2 nhằm đánh giá tình hình thực thi Quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý cho một số sản phẩm của tỉnh Quảng Nam.

- Phương pháp đánh giá, quy nạp: Được sử dụng ở Chương 2 nhằm đánh giá tình hình thực trạng thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý, từ đó đưa ra những ưu, nhược điểm trong công tác thực thi và tìm ra nguyên nhân.

## **7. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn**

Về mặt lập pháp: Luận văn phân tích và nêu được những điểm nổi bật và hạn chế của cơ chế bảo hộ và thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý từ đó kết quả nghiên cứu là nguồn tham khảo để hoàn thiện hành lang pháp lý liên quan đến Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp về chỉ dẫn địa lý. Những giải pháp được đưa ra sẽ góp phần nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật.

Về giáo dục, đào tạo: Nghiên cứu giúp cải thiện và nâng cao hiệu quả giải pháp tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân địa phương, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh để đảm bảo thực thi quyền sở hữu công nghiệp.

Về kinh tế - xã hội: Các giải pháp đề xuất từ nghiên cứu góp phần hạn chế tình trạng lạm dụng chỉ dẫn địa lý “Trà My” của sản phẩm quế, đảm bảo sự phát triển bền vững ngành công nghiệp Quế tại huyện Bắc và Nam Trà My, nâng cao đời sống người dân địa phương nói riêng và sự phát triển của tỉnh Quảng Nam nói chung.

## **8. Kết cấu của Luận văn**

Ngoài mục lục, danh mục các từ viết tắt, lời nói đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo luận văn gồm 3 chương với kết cấu như sau:

- Chương 1. Cơ sở lý luận và khung pháp luật về bảo hộ và thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý
- Chương 2. Thực trạng pháp luật về bảo hộ và thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý và thực tiễn áp dụng đối với chỉ dẫn địa lý quế Trà My
- Chương 3. Phương hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo hộ và thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý

# Chương 1

## CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KHUNG PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ VÀ THỰC THI QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI CHỈ DẪN ĐỊA LÝ

### 1.1. Khái quát về chỉ dẫn địa lý và quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý

#### 1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của chỉ dẫn địa lý

##### a. Khái niệm chỉ dẫn địa lý

Thuật ngữ chỉ dẫn địa lý bắt đầu xuất hiện vào cuối năm 1800 và tồn tại trong khoảng thời gian dài từ việc gắn các dấu hiệu trên sản phẩm để phân biệt sản phẩm hàng hoá trong quá trình lưu thông trên thị trường. Nguồn gốc được tìm thấy từ thời Ai Cập, Hy Lạp và lịch sử Trung Quốc, những dấu hiệu này xác định được người tạo ra sản phẩm, cũng có thể xác định nơi tạo ra sản phẩm, chẳng hạn như Ai Cập trong việc xây dựng các kim tự tháp ở Ai Cập để xác định những viên gạch có uy tín, và ở Hy Lạp cổ đại nó là dấu hiệu của rượu chất lượng (Grote, 2009; Egelyng) et al., 2016)<sup>1</sup>.

“Chỉ dẫn địa lý” bắt đầu được đề cập lần đầu tiên là trong Công ước Paris về bảo hộ sở hữu công nghiệp vào năm 1883 (Blackwell, 2007; Sharma và Kulhari, 2015; WIPO, 2004) tuy nhiên công ước không đưa ra khái niệm chỉ dẫn địa lý mà chỉ nhắc đến chỉ dẫn nguồn gốc và tên gọi xuất xứ hàng hóa là các đối tượng sở hữu công nghiệp. Nói cách khác chỉ dẫn địa lý là thuật ngữ có nguồn gốc từ hai thuật ngữ chỉ dẫn nguồn gốc và tên gọi xuất xứ hàng hoá. Khi tìm hiểu về chỉ dẫn địa lý trước hết ta tìm hiểu về hai khái niệm chỉ dẫn nguồn gốc và tên gọi xuất xứ hàng hoá.

Đến năm 1994, thuật ngữ "chỉ dẫn địa lý" (geographical indications) mới chính thức xuất hiện trên cơ sở "chỉ dẫn nguồn gốc" và "tên gọi xuất xứ hàng hóa" được quy định trong Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ ("TRIPS") tại Khoản 1 Điều 22 như sau: "Chỉ dẫn địa lý là những chỉ dẫn về hàng hóa có nguồn gốc từ lãnh thổ của một nước thành viên hoặc từ một khu vực hay địa phương trong lãnh thổ đó mà chất lượng, uy tín hay đặc tính khác của hàng hóa chủ yếu do xuất xứ địa lý quyết định"<sup>2</sup>. Từ định nghĩa trong hiệp định TRIPs ta thấy rằng để được coi là chỉ dẫn địa lý cần có ba điều kiện:

---

<sup>1</sup> Chinedu Obi and Timothy Manyse (2017) Protected geographical indication in sub-saharan African: Issues and implications, Wageningen University & Research.

<sup>2</sup> Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ - TRIPS (1994)

Một là, là các chỉ dẫn này có thể là dấu hiệu bất kì (từ ngữ, hình ảnh) miễn là qua đó có thể chỉ ra được hàng hoá mang chỉ dẫn địa lý được bảo hộ bắt nguồn từ lãnh thổ của quốc gia nào hoặc thuộc khu vực địa phương nào của lãnh thổ quốc gia đó. Tuy nhiên dấu hiệu trên hàng hoá phải liên quan đến một quốc gia cụ thể hoặc một địa phương khu vực của một quốc gia cụ thể đến mức qua dấu hiệu người tiêu dùng biết được hàng hoá bắt nguồn từ đâu.

Hai là, hàng hoá mang chỉ dẫn địa lý phải có nguồn gốc từ quốc gia hoặc từ khu vực, địa phương mà hàng hoá đó được xác định mang chỉ dẫn địa lý.

Ba là, hàng hoá mang chỉ dẫn địa lý phải có chất lượng, uy tín hoặc đặc tính nhất định chủ yếu do quốc gia hay khu vực địa phương đã được chỉ dẫn là nơi hàng hoá bắt nguồn quy định.

Ở Việt Nam chỉ dẫn địa lý được quy định lần đầu tiên tại nghị định 54/2000/CP-NĐ (ngày 03 tháng 10 năm 2000) Khoản 1, Khoản 2 Điều 10:

*“1. Chỉ dẫn địa lý được bảo hộ là thông tin về nguồn gốc địa lý của hàng hoá đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:*

*a. Thể hiện dưới dạng một từ ngữ, dấu hiệu, biểu tượng hoặc hình ảnh, dùng để chỉ một quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ, địa phương thuộc một quốc gia;*

*b. Thể hiện trên hàng hoá, bao bì hàng hoá hay giấy tờ giao dịch liên quan tới việc mua bán hàng hoá nhằm chỉ dẫn rằng hàng hoá nói trên có nguồn gốc tại quốc gia, vùng lãnh thổ hoặc địa phương mà đặc trưng về chất lượng, uy tín, danh tiếng hoặc các đặc tính khác của loại hàng hoá này có được chủ yếu là do nguồn gốc địa lý tạo nên.*

*2. Nếu chỉ dẫn địa lý là tên gọi xuất xứ hàng hoá thì việc bảo hộ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về tên gọi xuất xứ hàng hoá.”*

Theo Khoản 22 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ 2005: "Chỉ dẫn địa lý là dấu hiệu dùng để chỉ sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hay quốc gia cụ thể".

Từ các quy định nêu trên có thể thấy khái niệm về chỉ dẫn địa lý theo pháp luật hiện hành của Việt Nam là hoàn toàn tương thích với Điều 22.1 của Hiệp định TRIPS. Theo quy định này, chỉ dẫn địa lý không chỉ bao gồm tên địa lý mà bao gồm cả biểu tượng, hoặc hình ảnh/hình vẽ (chỉ dẫn gián tiếp) của một nước hoặc một địa phương.

### ***b. Đặc điểm của chỉ dẫn địa lý***

Một là, chỉ dẫn địa lý có tính phân biệt. Khả năng phân biệt chỉ dẫn địa lý được thể hiện qua các đặc điểm của sản phẩm mang dấu hiệu.

Hai là, chủ sở hữu chỉ dẫn địa lý là Nhà nước

### ***1.1.2. Khái niệm, đặc điểm của quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý***

#### ***a. Khái niệm quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý***

Theo quy định tại Điều 751 Bộ luật Dân sự năm 2005, quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý bao gồm quyền sở hữu chỉ dẫn địa lý của Nhà nước và quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý của các tổ chức, cá nhân đáp ứng các điều kiện do pháp luật về sở hữu trí tuệ quy định.

Quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý là quyền của tổ chức, cá nhân đối với chỉ dẫn địa lý (Khoản 4 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005).

Quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý được xác lập trên cơ sở quyết định của Cục Sở hữu trí tuệ về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý cho tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý (mục 1.3 của Thông tư 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/2/2007 hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp).

#### ***b. Đặc điểm của quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý***

Quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý có những đặc điểm riêng biệt như:

- Người sử dụng chỉ dẫn địa lý không phải là chủ sở hữu chỉ dẫn địa lý

- Việc bảo hộ tại nước xuất xứ là điều cốt lõi, là nền tảng cho việc tồn tại và bảo hộ các chỉ dẫn địa lý.

- Chỉ dẫn địa lý không bị giới hạn thời hạn bảo hộ nếu đối tượng bảo hộ là chỉ dẫn địa lý vẫn đáp ứng các điều kiện do pháp luật quy định.

- Quyền đối với chỉ dẫn địa lý không được chuyển nhượng, quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý không được chuyển giao

### ***1.2. Khái quát về bảo hộ và thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý***

#### ***1.2.1. Khái niệm, đặc điểm bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý***

##### ***a. Khái niệm của bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý***

Bảo hộ chỉ dẫn địa lý trước hết được hiểu là quyền ngăn chặn người không được phép sử dụng các chỉ dẫn địa lý hoặc cho các sản phẩm không xuất xứ từ vùng địa lý được chỉ tên hoặc sản phẩm không đáp ứng các tiêu chuẩn đã quy định. Khía cạnh thứ hai của bảo hộ chỉ dẫn địa lý là bảo hộ chống lại việc biến các chỉ dẫn địa lý thành các tên gọi thông thường của sản phẩm - trong trường hợp này các chỉ dẫn địa lý sẽ mất tính phân biệt và không còn được bảo hộ.

Có nhiều phương thức bảo hộ các chỉ dẫn địa lý ở phạm vi quốc gia, nhưng có thể chia thành 03 nhóm chính sau: Bảo hộ chỉ dẫn địa lý bằng hệ thống pháp luật riêng, bảo hộ chỉ dẫn địa lý bằng pháp luật về nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận và bảo hộ chỉ dẫn địa lý bằng pháp luật về hoạt động kinh doanh trong đó có luật chống cạnh tranh không lành mạnh

### ***b. Đặc điểm của bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý***

Bảo hộ quyền SHCN đối với CDĐL cũng mang những đặc điểm chung của bảo hộ quyền SHTT đối với tài sản trí tuệ khác và có những đặc điểm riêng của nó. Do đó xem xét đặc điểm bảo hộ quyền SHCN đối với CDĐL chúng ta xem xét trên cả những đặc điểm bảo hộ quyền SHTT đối với tài sản trí tuệ khác và chỉ ra những điểm khác biệt:

Một là, nhà nước là chủ thể bảo hộ quyền SHTT nói chung và quyền SHCN với CDĐL nói riêng.

Hai là, chỉ dẫn địa lý không bị giới hạn thời hạn bảo hộ nếu đối tượng bảo hộ là chỉ dẫn địa lý vẫn đáp ứng được các điều kiện do pháp luật quy định.

### ***1.2.2. Khái niệm, đặc điểm thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý***

#### ***a. Khái niệm thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý***

Trong khoa học pháp lý Việt Nam chưa đưa ra một khái niệm đầy đủ, chính thức về thực thi quyền SHTT. Thực thi trong Tiếng Anh (Enforcement) nghĩa là bắt tuân theo pháp luật. “Enforcement” có gốc Tiếng Anh là “force” với nghĩa dùng sức mạnh (quyền lực nhà nước) bắt làm đúng quy định. Thuật ngữ này có nghĩa buộc mọi người phải tuân theo một luật lệ để làm cho chúng có hiệu lực; là sự thi hành nghiêm ngặt một luật lệ và được bảo đảm bằng các biện pháp chế tài<sup>3</sup>.

---

<sup>3</sup>Dương Đình Công (2011), *Thực thi quyền sở hữu trí tuệ theo pháp luật Việt Nam và pháp luật của một số quốc gia Đông Nam Á*,

Có thể hiểu, thực thi QSHCN là việc thực hiện pháp luật về SHCN thông qua sự bắt buộc các chủ thể phải hoàn toàn tuân thủ, chấp hành pháp luật dù muốn hay không muốn. Nói tới thực thi QSHCN là nói đến trình tự, thủ tục mà các chủ thể phải tuân theo, cũng như các biện pháp xử lý, các chế tài do các cơ quan có thẩm quyền áp dụng khi có hành vi vi phạm<sup>4</sup>.

- Về mặt nội dung, thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý bao gồm toàn bộ các hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhằm tạo ra cơ chế xử lý đối với mọi hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp. Các biện pháp thực thi quyền sở hữu công nghiệp bao gồm: biện pháp dân sự, biện pháp hành chính, biện pháp hình sự, biện pháp khẩn cấp tạm thời và biện pháp kiểm soát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp ở Việt Nam.

- Về mặt hình thức thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý, được thực hiện tuân theo quy định của pháp luật về cách thức, trình tự, thủ tục, thẩm quyền, phù hợp với đặc điểm của từng đối tượng quyền sở hữu công nghiệp.

- Về chủ thể tiến hành hoạt động thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý bao gồm: Tòa án, quản lý thị trường, Cơ quan hải quan, Công an nhân dân, Ủy ban nhân dân, Thanh tra chuyên ngành. Những cơ quan này thực thi quyền bằng cách tự mình hoặc phối hợp phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân khác để xây dựng và triển khai cơ chế xử lý những hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.

- Về mục đích thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý nhằm phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ lợi ích của Nhà nước và xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp, tạo ra môi trường pháp lý lành mạnh để thúc đẩy các hoạt động sáng tạo của con người.

### ***b. Đặc điểm của thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý***

Thực thi quyền SHCN đối với chỉ dẫn địa về cơ bản có những đặc điểm chung và đặc trưng so với thực thi quyền SHCN đối với các tài sản trí tuệ khác.

Một là, thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý được tiến hành bởi nhiều chủ thể khác nhau. Chủ thể thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý bao gồm: Thanh tra BKHCN, quản lý thị trường, hải quan, công an... và các tổ chức tập thể.

<sup>4</sup><https://www.most.gov.vn/thanhtra/tin-tuc/5/239/thuc-thi-quyen-so-huu-cong-nghiiep-o-viet-nam--phap-luat-va-thuc-tien.aspx>

Hai là, cách thức bảo vệ quyền SHCN: Các chủ thể quyền có quyền tự bảo vệ hoặc yêu cầu chủ thể thực thi nhằm bảo vệ quyền SHCN của mình.

Ba là, việc sử dụng, quản lý, khai thác chỉ dẫn địa lý và thực thi quyền sở hữu công nghiệp của chỉ dẫn địa lý ngoài việc tuân theo các quy định chung về pháp luật quyền sở hữu công nghiệp nói chung còn tuân theo một quy định được thể hiện trong quy chế quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý.

### **1.3. Khái quát nội dung pháp luật về bảo hộ và thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý**

#### **1.3.1. Nguồn của pháp luật về bảo hộ và thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý**

Nguồn của pháp luật về bảo hộ và khai thác quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý hiện nay có thể chia thành hai nhóm gồm: Pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam. Cụ thể như sau:

##### **Thứ nhất, pháp luật quốc tế**

Một là, Công ước Paris về bảo hộ sở hữu công nghiệp (Công ước Paris)

Hai là, Thỏa ước Madrid

Ba là, Thỏa ước Lisbon về Bảo hộ tên gọi xuất xứ hàng hóa và Đăng ký quốc tế tên gọi xuất xứ hàng hóa (Thỏa ước Lisbon)

Bốn là, Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại của Quyền Sở hữu trí tuệ (TRIPS)

##### **Thứ hai, Pháp luật quốc gia**

Một là, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Hai là, Bộ luật Dân sự năm 2015

Ba là, Luật SHTT năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009

Bốn là, Bộ Luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017

Năm là, các văn bản dưới luật, gồm:

- Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp và Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ;

- Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp;

- Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ và



Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ;

- Thông tư số 01/2007/TT-BKHHCN ngày 14/02/2007 hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp và Thông tư số 16/2016/TT-BKHHCN ngày 30/6/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2007/TT-BKHHCN ngày 14 tháng 02 năm 2007.

### ***1.3.2. Khái quát nội dung của pháp luật Việt Nam về bảo hộ và thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý***

#### **Thứ nhất, pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý**

Về cơ bản nội dung pháp luật về bảo hộ quyền SHCN đối với NHTT ở hệ thống pháp luật các quốc gia trên thế giới, Việt Nam và các điều ước quốc tế song phương, đa phương liên quan đến NHTT đều có những nội dung sau:

Một là, điều kiện bảo hộ đối với chỉ dẫn địa lý.

Hai là, xác lập quyền sở hữu công nghiệp

#### **Thứ hai, pháp luật về thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý**

Một là, chủ thể thực thi bao gồm: các tổ chức cá nhân được trao quyền sử dụng hoặc quyền quản lý chỉ dẫn địa lý có quyền yêu cầu các cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau đây buộc người khác chấm dứt hành vi xâm phạm: Tòa án nhân dân, thanh tra sở hữu trí tuệ, cơ quan Công an, cơ quan Hải quan, cơ quan Quản lý thị trường, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cơ quan hải quan...

Hai là, các biện pháp thực thi

Xử lý hành vi xâm phạm bằng biện pháp dân sự

Xử lý hành vi xâm phạm bằng biện pháp hành chính

Xử lý hành vi xâm phạm bằng biện pháp hình sự

Kiểm soát hàng hóa nhập khẩu liên quan đến Sở hữu trí tuệ

## TIÊU KẾT CHƯƠNG 1

Từ nội dung nghiên cứu ở trên, có thể rút ra một số kết luận cho Chương 1 như sau:

Thứ nhất, chỉ dẫn địa lý là những chỉ dẫn về nguồn gốc của hàng hóa, hàng hóa mang chỉ dẫn địa lý bắt nguồn từ lãnh thổ, địa phương hay khu vực tương ứng với chỉ dẫn địa lý.

Thứ hai, quyền SHCN đối với chỉ dẫn địa lý là quyền của tổ chức, cá nhân đối với chỉ dẫn địa lý. Quyền SHCN đối với chỉ dẫn địa lý có những đặc điểm cơ bản như: Người sử dụng chỉ dẫn địa lý không phải là chủ sở hữu chỉ dẫn địa lý; quyền đối với chỉ dẫn địa lý không được chuyển giao.

Thứ ba, bảo hộ quyền SNCN đối với chỉ dẫn địa lý là quyền ngăn chặn người khác không được phép sử dụng chỉ dẫn địa lý hoặc cho các sản phẩm không xuất xứ từ vùng địa lý được chỉ tên hoặc sản phẩm không đáp ứng các tiêu chuẩn đã quy định.

Thứ tư, thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý là việc thực hiện pháp luật về sở hữu công nghiệp thông qua sự bắt buộc các chủ thể phải hoàn toàn tuân thủ, chấp hành pháp luật dù muốn hay không muốn.

Thứ năm, nghiên cứu về nội dung pháp luật về bảo hộ và thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý. Trong đó khái quát nguồn pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam. Từ đó đưa ra những nội dung cơ bản của pháp luật về bảo hộ và thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý.

## **Chương 2**

# **THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ VÀ THỰC THI QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI CHỈ DẪN ĐỊA LÝ VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CHỈ DẪN ĐỊA LÝ QUÊ TRÀ MY**

**2.1. Quy định của pháp luật Việt Nam về bảo hộ và thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý**

**2.1.1. Quy định của pháp luật Việt Nam về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý**

**a. Điều kiện bảo hộ chỉ dẫn địa lý**

Theo Điều 79 Luật SHTT năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định về điều kiện chung đối với chỉ dẫn địa lý bao gồm:

Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý có nguồn gốc địa lý từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc nước tương ứng với chỉ dẫn địa lý;

Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý có danh tiếng, chất lượng hoặc đặc tính chủ yếu do điều kiện địa lý của khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc nước tương ứng với chỉ dẫn địa lý đó quyết định.

**b. Xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý**

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, quyền của chủ sở hữu các đối tượng SHCN được xác lập trên cơ sở đăng ký, không dựa trên cơ sở sử dụng thực tế. Do đó, để được pháp luật bảo hộ quyền sở hữu của mình, việc đầu tiên các chủ thể cần tiến hành là đăng ký các đối tượng của quyền SHCN tại Cục SHTT theo thủ tục được đăng ký quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ (Điều 6.3.a Luật Sở hữu trí tuệ, Điều 6.1 Nghị định 103/2006/NĐ-CP, Điểm 1.3 Thông tư 01/2007/TT-BKHHCN hướng dẫn thi hành Nghị định 103/2006/ NĐ- CP ngày 22/9/2006 của Chính Phủ. Quy định này được áp dụng ở phần lớn các nước trong việc bảo hộ quyền SHCN.

Thủ tục đăng ký chỉ dẫn địa lý được quy định như sau:

Theo quy định tại Điều 88 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 quy định chủ thể có quyền nộp đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý đó là: “Quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý thuộc về Nhà nước. Nhà nước cho phép tổ chức, cá nhân sản xuất phẩm mang chỉ dẫn địa lý, tổ chức tập thể đại diện cho các tổ chức cá nhân đó hoặc cơ quan quản lý hành chính địa phương nơi có chỉ dẫn

địa lý thực hiện quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý. Người thực hiện quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý không thành chủ sở hữu chỉ dẫn địa lý đó”<sup>5</sup>.

Trong Hiệp định TRIPs không quy định thủ tục đăng ký chỉ dẫn địa lý và tài liệu trong đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý mà chỉ đưa ra những nguyên tắc về các thủ tục xác lập và duy trì quyền sở hữu trí tuệ. Theo đó việc đăng ký các đối tượng sở hữu trí tuệ phụ thuộc vào việc đáp ứng các điều kiện về bản chất của các đối tượng sở hữu trí tuệ, được hoàn thành trong thời gian hợp lý. Hiệp định TRIPs cũng yêu cầu (Điều 41.2 và 41.3) các thủ tục và thể thức quy định đối với việc bảo hộ quyền phải hợp lý và công bằng, không được phức tạp và tốn kém đến mức không cần thiết hoặc không được trì hoãn một cách bất hợp lý mà không có lý do.

### ***2.1.2. Quy định của pháp luật Việt Nam về thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý***

#### ***a. Chủ thể thực thi***

Cơ quan bảo đảm thực thi quyền sở hữu trí tuệ gồm toà án, thanh tra sở hữu trí tuệ, cơ quan quản lý thị trường, cơ quan hải quan, cơ quan công an, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và trọng tài, có thẩm quyền áp dụng các biện pháp bảo đảm thực thi quyền sở hữu trí tuệ

Cục Sở hữu trí tuệ là cơ quan trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, thực hiện chức năng giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thống nhất quản lý nhà nước và đảm bảo các hoạt động sự nghiệp chuyên ngành về sở hữu trí tuệ trên phạm vi cả nước.

Cơ quan quản lý nhà nước về SHTT (Cục SHTT, Cục Bản quyền tác giả, Văn phòng bảo hộ giống cây trồng) không trực tiếp thực hiện các biện pháp thực thi quyền SHTT

#### ***Phát hiện vi phạm và xử lý vi phạm***

- Theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ, cụ thể là khoản 3, Điều 129 thì những hành vi sau được coi là hành vi xâm phạm quyền đối với chỉ dẫn địa lý:

(i) Sử dụng chỉ dẫn địa lý được bảo hộ cho sản phẩm mặc dù có nguồn gốc xuất xứ từ khu vực địa lý mang chỉ dẫn địa lý, nhưng sản phẩm đó không đáp ứng các tiêu chuẩn về tính chất, chất lượng đặc thù của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý;

---

<sup>5</sup> Ninh Thị Thanh Thủy (2009), *Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý theo pháp luật Việt Nam*, Hà Nội.

(ii) Sử dụng chỉ dẫn địa lý được bảo hộ cho sản phẩm tương tự với sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý nhằm mục đích lợi dụng danh tiếng, uy tín của chỉ dẫn địa lý;

(iii) Sử dụng bất kỳ dấu hiệu nào trùng hoặc tương tự với chỉ dẫn địa lý được bảo hộ cho sản phẩm không có nguồn gốc từ khu vực địa lý mang chỉ dẫn địa lý đó làm cho người tiêu dùng hiểu sai rằng sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực địa lý đó;

(iv) Sử dụng chỉ dẫn địa lý được bảo hộ đối với rượu vang, rượu mạnh cho rượu vang, rượu mạnh không có nguồn gốc xuất xứ từ khu vực địa lý tương ứng với chỉ dẫn địa lý đó, kể cả trường hợp có nêu chỉ dẫn về nguồn gốc xuất xứ thật của hàng hoá hoặc chỉ dẫn địa lý được sử dụng dưới dạng dịch nghĩa, phiên âm hoặc được sử dụng kèm theo các từ loại, kiểu, dạng, phỏng theo hoặc những từ tương tự như vậy.

### ***b. Các biện pháp xử lý xâm phạm***

Theo quy định tại Điều 198 Luật SHTT 2005 chủ thể quyền sở hữu công nghiệp có quyền áp dụng các biện pháp để bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp của mình như:

Áp dụng biện pháp công nghệ nhằm ngăn ngừa hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp;

Yêu cầu các tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp phải chấm dứt hành vi xâm phạm, xin lỗi, cải chính công khai, bồi thường thiệt hại;

Yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp theo quy định của Luật này và các quy định pháp luật khác có liên quan;

Khởi kiện ra tòa án hoặc trọng tài để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Những quy định này là nền tảng để thực hiện các biện pháp cụ thể nhằm ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp theo đó: “Tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân khác thì tùy theo tính chất, mức độ xâm phạm có thể bị xử lý bằng biện pháp dân sự, hành chính hoặc hình sự”<sup>6</sup>. Trong trường hợp cần thiết các cơ quan có thẩm quyền có thể áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất nhập khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu công nghiệp, biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt hành chính theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ và văn bản pháp luật khác có liên quan.

---

<sup>6</sup>Theo Khoản 1 Điều 199 của Luật SHTT 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009)

(i) Xử lý hành vi xâm phạm bằng biện pháp dân sự

Là biện pháp xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo thủ tục tố tụng dân sự trên cơ sở yêu cầu của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do hành vi xâm phạm gây ra, kể cả khi hành vi đó đang bị xử lý bằng hiện pháp hành chính hoặc hiện pháp hình sự.

(ii) Xử lý hành vi xâm phạm bằng biện pháp hành chính

Biện pháp hành chính được áp dụng để xử lý hành vi xâm phạm thuộc một trong các trường hợp được quy định tại Điều 211 của Luật SHTT, theo yêu cầu của chủ thể quyền SHTT, tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do hành vi xâm phạm gây ra, tổ chức, cá nhân phát hiện hành vi xâm phạm hoặc do cơ quan có thẩm quyền chủ động phát hiện.

(iii) Xử lý hành vi xâm phạm bằng biện pháp hình sự

Điều 212 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: Cá nhân thực hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ có yếu tố cấu thành tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hình sự.

(iv) Biện pháp kiểm soát biên giới

Biện pháp tạm dừng làm thủ tục hải quan được tiến hành theo yêu cầu của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ được bảo hộ tại Việt Nam, nhằm thu thập thông tin, chứng cứ về lô hàng để chủ thể quyền sở hữu trí tuệ thực hiện quyền yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm.

**2.1.3. Thực tiễn bảo hộ và thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý**

Trong giai đoạn từ 01/01/2006 đến 31/12/2016, Cục Sở hữu trí tuệ đã tiếp nhận 403.914 đơn đăng ký xác lập quyền đối với các đối tượng quyền SHCN, cấp 231.765 văn bằng bảo hộ đối với các đối tượng quyền SHCN. Cũng trong giai đoạn nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ đã tiếp nhận 11.349 đơn khiếu nại liên quan đến hoạt động xác lập quyền SHCN và đã tiến hành xử lý 6.475 đơn.

Theo Cục Sở hữu trí tuệ, tính tới 31/7/2018 đã bảo hộ cho 62 chỉ dẫn địa lý quốc gia và 6 chỉ dẫn địa lý nước ngoài. Hiện, đã có 37 tỉnh, thành phố có chỉ dẫn địa lý được bảo hộ. Trong số chỉ dẫn địa lý này, 47% sản phẩm là trái cây; 23% sản phẩm từ cây công nghiệp và lâm nghiệp; 12% thủy sản; 8% gạo; còn lại là các sản phẩm khác. Các sản phẩm không phải là thực phẩm được bảo hộ là nón lá Huế; thuốc Lào Tiên Lãng; thuốc Lào Vĩnh Bảo; cói Nga Sơn và hoa mai vàng Yên Tử.

Tuy nhiên, để có cơ sở cho việc xử lý xâm phạm hầu hết các cơ quan thực thi đều trung cầu giám định từ cơ quan chuyên môn, nhưng hiện nay, cả nước chỉ có một tổ chức giám định sở hữu trí tuệ là Viện

Khoa học SHTT thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, do đó khó có thể đáp ứng kịp thời nhu cầu giám định đa dạng của các cơ quan thực thi và các chủ thể quyền.

Trong việc xử lý các tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền SHCN bằng biện pháp hành chính, theo số liệu thực thi quyền SHTT của các Bộ, ngành được tổng kết theo Chương trình hành động 168 giai đoạn từ 2006 đến năm 2016, số lượng các vụ xâm phạm quyền SHCN bị các cơ quan thực thi xử lý bằng biện pháp hành chính gia tăng với tỷ lệ khá cao cụ thể:

Cơ quan Quản lý thị trường trong cả nước đã tiến hành xử phạt vi phạm hành chính đối với 179.857 vụ có liên quan đến hàng giả, hàng xâm phạm quyền SHTT, với tổng số tiền xử phạt là 591.720.045 đồng<sup>15</sup>.

Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ đã tiến hành 386 vụ thanh tra trong lĩnh vực SHCN, xử phạt hành chính đối với 269 vụ, với mức tiền phạt là 7.700.000.000 đồng.

Tòa án nhân dân tối cao đã thụ lý theo thủ tục sơ thẩm 168 vụ, trong đó có 158 vụ tranh chấp về quyền tác giả, 10 vụ tranh chấp quyền SHCN. Tòa án tối cao cũng đã giải quyết 200/235 vụ án tranh chấp kinh doanh thương mại có liên quan đến SHTT, giải quyết 24 vụ án hành chính trong lĩnh vực SHTT. Tòa án nhân dân các cấp đã thụ lý sơ thẩm 21 vụ với 33 bị cáo, đã xét xử 13 vụ với 22 bị cáo, trong đó có 12 vụ với 20 bị cáo về tội xâm phạm quyền SHCN<sup>7</sup>.

Từ số liệu trên có thể nhận thấy hiện nay, xử lý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp bằng biện pháp hành chính đang là biện pháp chiếm ưu thế hơn các biện pháp khác xuất phát từ việc xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp bằng biện pháp hình sự và dân sự qua cơ quan tòa án với thủ tục phức tạp, thời gian lâu, chủ thể bị xâm phạm phải thực hiện nghĩa vụ chứng minh sự xâm phạm quyền SHTT của chủ thể xâm phạm. Trong một số trường hợp thì việc chứng minh này là không hề đơn giản, trong khi đó việc xử lý xâm phạm bằng biện pháp hành chính thủ tục đơn giản, tiết kiệm được thời gian, chi phí cho chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ. Có hiệu quả khi muốn chấm dứt ngay hành vi xâm phạm, bảo vệ được lợi ích của người tiêu dùng.

---

<sup>7</sup> Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Luật SHTT của Bộ Khoa học và Công nghệ

## **2.2. Thực tiễn bảo hộ và thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý Quế Trà My**

### **2.2.1. Khái quát về chỉ dẫn địa lý Quế Trà My**

Khu vực nghiên cứu chỉ dẫn địa lý bao gồm 4 xã trong đó có 2 xã Trà Đơn, Trà Leng thuộc huyện Nam Trà My, 2 xã Trà Giáp, Trà Giác thuộc huyện Bắc Trà My. Đây là các xã được xác định là vùng trồng quế tốt nhất trong 2 huyện hiện nay.

Qua việc phân tích các kết quả quan trắc tại trạm Trà My và kết hợp phân tích sự biến thiên theo không gian các yếu tố khí hậu của các trạm xung quanh vùng nghiên cứu đã cho thấy vùng trồng quế Trà My có những đặc trưng khác biệt với những vùng khí hậu khác như lượng mưa lớn, độ ẩm cao, nền nhiệt trung bình và lượng bốc hơi thấp. Diễn biến theo tháng của các yếu tố khí hậu trong vùng phần nào cũng ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng quế

Ngoài những đặc thù về các yếu tố tự nhiên của vùng trồng quế Trà My và yếu tố con người thì đặc thù về hình thái cũng như chất lượng của quế Trà My thông qua chỉ tiêu hàm lượng tinh dầu và Alderhyt cinnamic cao hơn nhiều so với các loại quế thuộc vùng khác.

Tinh dầu quế được sử dụng nhiều trong ngành Y như: Y dược, chế biến thực phẩm, hương liệu, chăn nuôi... Xu hướng sử dụng các loại tinh dầu thực vật thay thế cho các hóa chất có ảnh hưởng đến sức khỏe con người ngày một tăng rất có lợi cho người sản xuất quế, các địa phương và xuất khẩu quế. Ngoài ra, các sản phẩm từ cây quế được tận dụng sản xuất hàng tiêu dùng như: Đồ thủ công mỹ nghệ từ thân quế, lá quế làm hương (nhân) thấp... Ngoài lợi ích về mặt kinh tế, cây quế còn đóng góp bảo vệ môi trường sinh thái, làm tăng độ che phủ rừng, bảo tồn và phát triển sự đa dạng nguồn gen quý cây bản địa.

### **2.2.2. Thực tiễn bảo hộ chỉ dẫn địa lý Quế Trà My**

Cục Sở hữu trí tuệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký Chỉ dẫn địa lý Trà My cho sản phẩm quế vô số 2293/QĐ-SHTT ngày 13/10/2011, đây là tiền đề để nâng cao uy tín của sản phẩm tên thị trường trong và ngoài nước đồng thời nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất lâm nghiệp trên địa bàn Bắc và Nam Trà My.

Sản phẩm quế Trà My đã được cấp văn bằng bảo hộ chỉ dẫn địa lý. Tuy nhiên, việc xây dựng quản lý khai thác chỉ dẫn địa lý Trà My cho sản phẩm quế mới chỉ dừng lại ở kết quả đăng ký xác lập quyền, chưa thực hiện các nội dung về quản lý, sử dụng và khai thác chỉ dẫn địa lý một cách hiệu quả.



Trong giai đoạn từ năm 2013 – 2015, Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt cho tỉnh Quảng Nam thực hiện dự án: Quản lý và phát triển Chỉ dẫn địa lý “Trà My” cho sản phẩm quý của tỉnh Quảng Nam. Với mục tiêu phát triển sản phẩm đặc thù quý Trà My và nhằm quảng bá sản phẩm quý Trà My một cách rộng rãi trên thị trường, từng bước giải quyết những khó khăn trong sản xuất, tiêu thụ loại bỏ quế lai tạp, tránh tình trạng “Quế Trà My, thơm hương rừng xứ lạ” đảm bảo việc bảo tồn nguồn giống gốc, góp phần tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo đồng bào người dân vùng trồng quế.

### **Khó khăn trong thực tiễn bảo hộ**

Một là, chưa có các cơ chế, chính sách về mối quan hệ giữa doanh nghiệp và người dân trồng nguyên liệu Quế trong vùng.

Hầu như chưa có đơn vị thu mua, chế biến nào tham gia ký kết hợp đồng sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cho người dân; người nông dân chỉ biết bán các sản phẩm thô, với giá cả bấp bênh do những người kinh doanh nhỏ lẻ quyết định” (theo đánh giá tại Hội nghị bàn giải pháp xúc tiến đầu tư phát triển cây quế Trà My diễn ra ngày 18/4/2018 tại huyện Nam Trà My).

Hai là, thẩm định hồ sơ xin cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý của hội viên đang gặp nhiều khó khăn, theo đơn đề nghị của hội viên thì phần kê khai hiện trạng là diện tích trồng Quế Trà My nhưng trên thực tế trong diện tích đó có lẫn cả quế không phải là quế Trà My, diện tích trồng quế không tập trung vì vậy việc xác định hiện trạng quế Trà My phải thực hiện đánh số theo cây trong vườn, việc này mất rất nhiều thời gian và vất vả cho cán bộ đi thẩm định.

### **2.2.3. Thực tiễn khai thác, quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý Quế Trà My**

Một là, sản phẩm quế Trà My chưa có cơ sở phân biệt so với các loại quế có nguồn gốc từ địa phương khác

Cho đến nay, quế được trồng tại Trà My có hai loại chính: loại quế truyền thống và quế Bắc. Hiện nay, diện tích trồng giống quế Bắc tại Trà My vẫn còn rất lớn, do vậy để phân biệt hai loại giống quế chỉ dựa trên màu sắc, hình dáng, mùi hương của những người dân “có kinh nghiệm” nhưng số lượng người có kinh nghiệm hiện nay cũng không nhiều nên rất khó định lượng để đề ra tiêu chuẩn chung cho sản phẩm quế, dẫn đến việc phát hiện kịp thời, xử lý vi phạm trong trường hợp này là không có cơ sở.

Hai là, hoạt động của Hội quế Trà My chưa mang lại hiệu quả

Thành phần cơ bản của Hội quế còn nặng tính cơ cấu, hạn chế về trình độ chuyên môn, chỉ tập trung vào công tác quản lý và kiểm soát nội bộ trong thực thi chỉ dẫn địa lý cho quế võ Trà My, chưa có khả năng kết nối thị trường. Sự tham gia của các doanh nghiệp cũng chỉ là những doanh nghiệp truyền thống mua bán quế võ sơ chế, chưa có công nghệ chế biến sâu nên chưa tạo ra chuỗi giá trị cho thương hiệu quế Trà My. Điều này khiến sự gắn kết về lợi ích và trách nhiệm của các thành viên không cao.

#### ***2.2.4. Thực tiễn phát hiện và xử lý hành vi xâm phạm quyền đối với chỉ dẫn địa lý Quế Trà My***

Một là, hệ thống tổ chức thực thi chỉ dẫn địa lý Trà My chưa thực sự hiệu quả

Điều 20 Quy chế quản lý và sử dụng Chỉ dẫn địa lý Trà My cho sản phẩm quế võ của tỉnh Quảng Nam ban hành kèm theo Quyết định số 04/2005/QĐ-UBND ngày 26/01/2015 quy định việc phát hiện và yêu cầu xử lý các hành vi sử dụng trái phép chỉ dẫn địa lý Trà My cho sản phẩm quế võ thuộc về Hội quế Trà My và Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có trách nhiệm thực hiện các biện pháp thích hợp để phát hiện các hành vi sử dụng trái phép chỉ dẫn địa lý Trà My của các cơ sở sản xuất kinh doanh, sản phẩm quế võ, nếu phát hiện có hành vi vi phạm Hội quế Trà My và Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng có trách nhiệm yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền truy xuất nguồn gốc hàng hóa và xử lý theo quy định của pháp luật. Từ quy định trên, vai trò quản lý nhà nước của các cấp chính quyền địa phương trong quản lý còn thiếu đồng bộ.

Hai là, phát hiện và xử lý vi phạm không khả thi

Xuất phát từ hệ thống tổ chức thực thi như trên việc phát hiện và xử lý các trường hợp xâm phạm quyền SHCN đối với chỉ dẫn địa lý Trà My cho sản phẩm quế của các cơ quan chức năng là không khả thi, chưa có trường hợp xử lý vi phạm với các chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý; đồng thời Hội quế Trà My chưa phát hiện, xử lý thành viên của mình vi phạm nên không có tính răn đe đối với các chủ thể thực hiện hành vi trên. Đến nay việc trà trộn quế vẫn còn tồn tại, việc quản lý và xử lý các trường hợp kinh doanh trà trộn nêu trên theo quy định pháp luật gặp nhiều khó khăn.

## TIÊU KẾT CHƯƠNG 2

Từ nội dung nghiên cứu ở trên, có thể rút ra một số kết luận cho Chương 2 như sau:

Thứ nhất, các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành về bảo hộ và thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý phù hợp với thông lệ quốc tế. Nhiều quy định trong các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam tham gia, ký kết đã được nội luật hóa. Tuy nhiên, dấu hiệu được sử dụng chỉ dẫn địa lý còn hạn chế, chưa phù hợp với nhu cầu bảo hộ của các chủ thể và thông lệ quốc tế; quy định về điều kiện bảo hộ chỉ dẫn địa lý đến nay vẫn còn nhiều khó khăn trong thực tiễn và áp dụng luật.

Thứ hai, quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam về thực thi quyền SHCN đối với chỉ dẫn địa lý cơ bản phù hợp với thông lệ quốc tế và các quy định trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết. Tuy nhiên các quy định này thể hiện một cách rời rạc, không có sự tập trung thành các chế định trong các văn bản pháp luật ở Việt Nam, các chủ thể thực thi khó có thể biết mình được thực thi như thế nào; phạm vi, giới hạn thực thi.

Thứ ba, qua thực tiễn bảo hộ và thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý “Trà My” cho sản phẩm quế vô nhận thấy những bất cập trong pháp luật và trong cả tổ chức thực hiện pháp luật. Ví dụ trong việc phát hiện và xử lý vi phạm rất khó khăn, mà khi đã phát hiện thì cơ sở để xác định vi phạm lại càng khó khăn hơn nữa; tính khả thi của Quy chế quản lý và sử dụng CDĐL trong thực tế và ý thức lợi ích của các chủ thể khai thác chưa cao; công tác quản lý của Hội quế Trà My gặp nhiều khó khăn.

### Chương 3

## PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ VÀ THỰC THI QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI CHỈ DẪN ĐỊA LÝ

### 3.1. Phương hướng hoàn thiện và tổ chức thực thi pháp luật về chỉ dẫn địa lý

*Thứ nhất, phương hướng hoàn thiện pháp luật về bảo hộ và thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý*

Một là, hoàn thiện hơn nữa các quy định của pháp luật về bảo hộ và thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay khi chúng ta đã là thành viên của WTO.

Hai là, phù hợp với điều kiện thực tế ở Việt Nam hiện nay

*Thứ hai, phương hướng tổ chức thực hiện pháp luật về bảo hộ và thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý tại tỉnh Quảng Nam*

Một là, phát triển cây Quế Trà My phải phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội trong vùng; phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, đảm bảo tính đồng bộ không chồng chéo; phát huy những lợi thế sẵn có tạo giá trị cao trên một đơn vị diện tích.

Hai là, sử dụng và phát triển rừng phải đạt hiệu quả cao về môi trường, kinh tế và xã hội, thực hiện tốt công tác bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường, sinh thái và đa dạng sinh học.

### **3.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo hộ và thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý**

#### **3.2.1. Hoàn thiện các quy định về đăng ký chỉ dẫn địa lý**

Thứ nhất, cần ban hành các văn bản hướng dẫn việc nghiên cứu phải đánh giá về tính chất, chất lượng đặc thù của sản phẩm mang Chỉ dẫn địa lý.

Thứ hai, về các tài liệu yêu cầu trong đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý. Bổ sung quy định về quy chế sử dụng chỉ dẫn địa lý do tổ chức tập thể đại diện đăng ký ban hành trong đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý

#### **3.2.2. Hoàn thiện quy định quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý**

Thứ nhất, về chủ thể quản lý chỉ dẫn địa lý: Theo tác giả nên trao quyền quản lý chỉ dẫn địa lý cho Hội, Hiệp hội nhằm tạo nên sự gắn kết trách nhiệm đối với tổ chức này.

Thứ hai, cần quy định việc cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý phải ban hành bản Quy chế quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý. Quy chế này phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Cục sở hữu trí tuệ) phê duyệt.

Thứ ba, bổ sung hành vi “mua bán” và hành vi “vận chuyển” hàng hóa mang chỉ dẫn địa lý vào điều 124 khoản 7 Luật Sở hữu trí tuệ về các hành vi sử dụng chỉ dẫn địa lý được bảo hộ để bao quát được tất cả các dạng hành vi sử dụng chỉ dẫn địa lý trên thực tế.

#### **3.2.3. Hoàn thiện cơ chế thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý**

**Một là**, hoàn thiện cơ chế bảo đảm thực thi quyền SHTT trong pháp luật dân sự:

Xây dựng các phiên tòa mẫu để xét xử các vụ án dân sự về sở hữu công nghiệp.

Xây dựng các mục tiêu và chương trình đào tạo tiến tới mô hình có các Thẩm phán chuyên xét xử về các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ.

Sớm ban hành những văn bản hướng dẫn chi tiết về vấn đề bồi thường thiệt hại vật chất và tinh thần gây ra do các hành vi xâm phạm quyền SHTT.

**Hai là**, hoàn thiện cơ chế bảo đảm thực thi quyền SHTT trong pháp luật hành chính

Quy định theo hướng mở rộng thẩm quyền giải quyết khiếu kiện hành chính trong bảo vệ quyền SHTT cho Tòa án.

Quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực SHTT theo hướng giảm bớt đầu mối và tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo; quy định rõ ràng thẩm quyền của từng cơ quan và phạm vi cũng như cách thức phối hợp giữa những cơ quan này khi xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực SHTT.

Sửa đổi quy định về mức phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực SHTT theo hướng: Tăng mức phạt tối đa.

**Ba là**, hoàn thiện cơ chế bảo đảm thực thi quyền SHTT trong pháp luật hình sự:

Cần ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ luật Hình sự liên quan việc xét xử các vụ án hình sự về xâm phạm quyền SHTT.

**Bốn là**, hoàn thiện cơ chế bảo đảm thực thi quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp kiểm soát biên giới

(i) Cần có các quy định cụ thể về quyền hành động mặc nhiên của lực lượng Hải quan trong quá trình thực thi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tại biên giới và mức phí chủ thể quyền phải nộp khi đăng ký yêu cầu cơ quan Hải quan kiểm tra, giám sát về sở hữu trí tuệ nhằm khuyến khích việc ngăn chặn các hành vi xâm phạm hơn là xử lý các hành vi xâm phạm đã được thực hiện.

(ii) Các chỉ dẫn địa lý chỉ có thể được bảo hộ đầy đủ và hiệu quả nếu chúng được bảo hộ bổ sung đồng thời bởi pháp luật về nhãn hiệu hàng hóa, pháp luật chống cạnh tranh không lành mạnh. Điều đó có nghĩa là bên cạnh việc hoàn thiện những quy định pháp luật về bảo hộ chỉ dẫn địa lý, chúng ta phải tiếp tục hoàn thiện pháp luật về nhãn hiệu hàng hóa và pháp luật chống cạnh tranh không lành mạnh chẳng hạn như các quy định, hướng dẫn chi tiết về việc đăng ký nhãn hiệu chứng nhận và nhãn hiệu tập thể.

### **3.3. Các giải pháp tổ chức thực hiện pháp luật bảo hộ và thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý**

#### **3.3.1. Các giải pháp chung**

Thứ nhất, phân công rõ ràng trách nhiệm các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp ở địa phương

Xây dựng văn bản quy chế liên ngành tại địa phương trong công tác phối hợp quản lý nhà nước về SHCN (từ cấp tỉnh, thành phố đến cấp quận, huyện), trong đó có CDĐL nhằm bảo hộ và khai thác tốt hơn giá trị kinh tế của CDĐL. Cụ thể gồm các cơ quan như: Sở khoa học – công nghệ; Sở Công thương; Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn; Sở giao thông vận tải; Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Tạo điều kiện hỗ trợ việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý, Nhà nước đầu tư nghiên cứu để xây dựng mô hình chuẩn cho việc thiết lập hồ sơ đăng ký chỉ dẫn địa lý cũng như mô hình quản lý chỉ dẫn địa lý. Hoàn thiện cơ chế quản lý sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý tương ứng ngay cả khi các chỉ dẫn đã được đăng ký.

Tuyên dụng, xây dựng nguồn cán bộ chuyên sâu về Luật SHTT từ cấp tỉnh đến cấp huyện, nhằm hỗ trợ, tư vấn kịp thời cho người dân, các tổ chức có nguyện vọng đăng ký sử dụng chỉ dẫn địa lý ở địa phương. Đồng thời, đưa ra những đề xuất tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về việc xây dựng quy trình bảo hộ chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm địa phương.

Thứ hai, tăng cường vai trò của các hiệp hội ngành nghề

Các hiệp hội ngành nghề phải thể hiện đầy đủ vai trò là người đại diện cho các chủ thể sản xuất, kinh doanh để họ có thể khai thác chỉ dẫn địa lý hiệu quả nhất.

Thứ ba, phát triển khoa học – công nghệ hiện đại

Thứ tư, chú trọng công tác tuyên truyền, điều chỉnh ý thức pháp luật

Thứ năm, tiếp tục hoàn thiện bộ máy thực thi sở hữu trí tuệ

#### **3.3.2. Giải pháp cho huyện Bắc Trà My và Nam Trà My tỉnh Quảng Nam**

**Thứ nhất**, giải pháp về cơ chế chính sách

Khuyến khích, tạo điều kiện thu hút các doanh nghiệp đầu tư chế biến để nâng cao chất lượng và giá trị cho sản phẩm Quế Trà My, theo quyết định số 2/2016/QĐ-UBND ngày 23/5/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam Ban hành quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2016-2020.

Hỗ trợ nông dân tiếp cận các thông tin thị trường, công tác xúc tiến thương mại và quảng bá sản phẩm, đặc biệt xây dựng thương hiệu sản phẩm Quế Trà My.

Thực hiện chính sách ưu đãi về vốn vay và thuế cho các tổ chức, cá nhân đầu tư, phát triển, chế biến sản phẩm Quế Trà My.

**Thứ hai**, hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý và sử dụng và khai thác chỉ dẫn địa lý Trà My cho sản phẩm quế Huyện Trà My các cơ quan chức năng của địa phương cần tiến hành một số hoạt động sau:

Một là, xây dựng cách nhận biết và phân biệt sản phẩm quế Trà My với các sản phẩm cùng loại khác.

Hai là, tăng cường hơn nữa chức năng của Hội quế Trà My

Ngoài việc tập trung vào công tác quản lý và kiểm soát nội bộ trong thực thi chỉ dẫn địa lý Hội quế Trà My cần phát huy khả năng kết nối thị trường với sự tham gia của các doanh nghiệp trong và ngoài nước đăng ký sử dụng chỉ dẫn địa lý Trà My cho sản phẩm quế.

**Thứ ba**, hoàn thiện hệ thống thực thi chỉ dẫn địa lý Trà My

Để chấm dứt tình trạng giống quế pha tạp hiện nay, cần chú trọng công tác phối hợp giữa các cơ quan chính quyền địa phương và Hội quế Trà My trên cơ sở xây dựng Quy chế phối hợp kiểm soát, quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh quế Trà My với mục đích nắm được số lượng sản phẩm quế Trà My thu hoạch được theo mùa vụ của Hội viên và số lượng cung ứng ra thị trường. Có như vậy, mới thực hiện tốt việc thanh tra, kiểm soát và xử lý việc quế pha tạp để kinh doanh của các Hội viên và các hộ kinh doanh nhỏ lẻ.

Mở rộng vùng CDĐL cho các xã có diện tích phát triển Quế Trà My lớn tiến tới mở rộng các xã trong vùng quy hoạch và vùng lân cận. Nhằm góp phần khôi phục, duy trì và phát triển danh tiếng của sản phẩm Quế Trà My trên thị trường trong và ngoài nước, đảm bảo lợi ích hợp pháp cho các cơ sở sản xuất và kinh doanh Quế Trà My.

**Thứ tư**, các giải pháp khác nhằm tăng cường hiệu quả công tác bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý Trà My cho sản phẩm quế

Một là, liên kết các doanh nghiệp và người dân nhằm phát triển cây Quế Trà My

- Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp có đủ năng lực tham gia mô hình liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm cây Quế Trà My thông qua hợp đồng, doanh nghiệp cung ứng đầu vào cho sản xuất và thu mua sản phẩm cây quế, đảm bảo nguyên tắc doanh nghiệp và người dân cùng có lợi.

- Nhà nước hỗ trợ tạo điều kiện nâng cao năng lực sản xuất - kinh doanh của nông dân và doanh nghiệp: Ban hành cơ chế chính sách; đẩy mạnh hoạt động khuyến nông, khuyến lâm; đào tạo, huấn luyện cho cán bộ kỹ thuật, người dân; hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng vùng nguyên liệu; thông tin thị trường; kiểm tra giám sát các hoạt động.

- Củng cố và phát triển tổ hợp tác và hợp tác xã là cầu nối giữa người dân và doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả hoạt động của chúng để các tổ hợp tác xã và HTX đủ sức đảm đương vai trò của mình.

Hai là, qua hơn 2 năm triển khai cho thấy, việc xây dựng và vận hành hệ thống quản lý CDĐL là các vấn đề phức tạp. Sở KH&CN đã chủ động, chủ trì, phối của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành liên quan của địa phương và tổ chức tập thể các nhà sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm. Tuy nhiên, để xây và vận hành được hệ thống quản lý một cách thuận thực, cần phải có sự nỗ lực đầu tư về thời gian, chi phí, sự tham gia của các tổ chức tư vấn, đặc biệt sự hỗ trợ về kinh phí từ ngân sách trong giai đoạn đầu triển khai

Ba là, đối với CDĐL Trà My, UBND tỉnh Quảng Nam cần có chủ trương đầu tư kinh phí từ sự nghiệp KH&CN của tỉnh cho việc quản lý và phát triển CDĐL Trà My dùng cho sản phẩm trong giai đoạn tiếp theo nhằm củng cố kết quả đã đạt được và đưa các hoạt động này vào nề nếp có hiệu quả đồng thời cần sớm thông qua cơ chế chính sách phát triển sản xuất hàng hóa đối với sản phẩm quế mang CDĐL Trà My để hỗ trợ người dân trong quá trình phục hồi lại nguồn nguyên liệu quế Trà My để tăng sản lượng quế đáp ứng thị trường.

### **TIỂU KẾT CHƯƠNG 3**

Từ phần đề xuất các phương hướng trong chương 3, có thể rút ra một số kết luận sau đây:

Thứ nhất, có hai phương hướng hoàn thiện pháp luật gồm: Hoàn thiện các quy định về bảo hộ và thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý phù hợp với tình hình thực tế hiện nay khi chúng ta là thành viên của WTO; phù hợp với các điều kiện thực tế của Việt Nam.

Thứ hai, có ba giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo hộ và thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý trong thời gian tới:

Hoàn thiện các quy định về đăng ký chỉ dẫn địa lý: Ban hành các văn bản hướng dẫn việc nghiên cứu phải đánh giá tính chất, chất lượng đặc thù của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý; bổ sung các tài liệu trong đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý.



Hoàn thiện các quy định quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý: Trao quyền quản lý chỉ dẫn địa lý cho Hiệp, hội; Ban hành quy chế quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý.

Hoàn thiện cơ chế bảo đảm thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý trong pháp luật dân sự, hình sự, hành chính.

Thứ ba, giải pháp chung về tổ chức thực hiện pháp luật về bảo hộ và thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý gồm: Phân công rõ ràng trách nhiệm các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp ở địa phương; tăng cường vai trò của hiệp hội ngành nghề; chú trọng công tác tuyên truyền, điều chỉnh ý thức pháp luật.

Thứ tư, các giải pháp riêng về tổ chức thực hiện pháp luật cho huyện Bắc và Nam Trà My của tỉnh Quảng Nam gồm: Giải pháp về cơ chế chính sách; hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý, sử dụng và khai thác chỉ dẫn địa lý Trà My cho sản phẩm quế; liên kết các doanh nghiệp và người dân nhằm phát triển cây quế Trà My; chú trọng công tác phối hợp giữa các cơ quan chính quyền địa phương với Hội quế Trà My; triển khai việc xây dựng cách nhận biết và phân biệt sản phẩm quế Trà My với các sản phẩm cùng loại khác.

## KẾT LUẬN

Từ những nội dung cơ bản của luận văn chúng ta phần nào thấy được tầm quan trọng của việc bảo hộ và thực thi quyền SHCN đối với chỉ dẫn địa lý nói chung và chỉ dẫn địa lý “Trà My” cho sản phẩm quế nói riêng. Đối với các sản phẩm đặc trưng của các vùng địa lý thì việc bảo hộ quyền SHCN đối với chỉ dẫn địa lý là một bước đi đúng đắn đối với chính quyền địa phương, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, liên kết được bộ phận người dân ổn định sản xuất, kinh doanh tạo nên sự phát triển kinh tế đồng đều ở một vùng địa lý. Tuy nhiên, hiện nay vướng mắc lớn nhất chúng ta đang gặp phải là việc đưa các quy định về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp nói chung và chỉ dẫn địa lý nói riêng vào đời sống thực tiễn, việc bảo hộ và thực thi, quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý còn khá mới mẻ đối với người dân. Phần lớn người dân chưa ý thức và chưa thấy được tầm quan trọng của việc bảo hộ và khai thác giá trị kinh tế từ chỉ dẫn địa lý. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc bảo hộ và thực thi chỉ dẫn địa lý ở Việt Nam gặp nhiều khó khăn trong khi đó pháp luật về bảo hộ và thực thi CDĐL ở Việt Nam chưa bao quát, giải quyết triệt để những khó khăn, tồn tại đó.

Để phát huy hiệu quả việc bảo hộ và thực thi quyền SHCN đối với CDĐL cần có sự phối hợp đồng bộ của các cơ quan nhà nước và mỗi người dân, cụ thể nhà nước cần tăng cường tuyên truyền, phổ biến kiến thức về SHTT, nâng cao nhận thức của người dân, đặc biệt là các thành viên sử dụng CDĐL; có những công cụ hỗ trợ kịp thời cho người dân trong đăng ký sử dụng cũng như quá trình khai thác NHHTT. Song song với đó, pháp luật cần có những thay đổi kịp thời để giải quyết những khó khăn trên. Có như vậy mới tạo nên sự phát triển hài hòa và đồng bộ trong nền kinh tế, rút ngắn khoảng cách hội nhập của Việt Nam đối với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Vì lý do trên, việc nghiên cứu đề tài này mong đóng góp cho việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý cũng như nâng cao hiệu quả của cơ chế thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý nhằm đáp ứng những yêu cầu phát triển kinh tế của hai huyện Trà My nói riêng và tỉnh Quảng Nam nói chung đồng thời góp phần gìn giữ những giá trị văn hóa của dân tộc.



## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Các văn bản quy phạm pháp luật

1. Bộ Luật Dân sự 2005, 2015
2. Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), 2015
3. Luật Sở hữu trí tuệ
4. Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22.9.2006 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp.
5. Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22.9.2006 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về Sở hữu trí tuệ.
6. Nghị định số 106/2006/NĐ-CP ngày 22.9.2006 Quy định xử phạt vi phạm hành chính về sở hữu công nghiệp.
7. Nghị định số 97/2010/NĐ-CP ngày 21.9.2010 về xử phạt hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.
8. Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31.12.2010 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp.
9. Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30.12.2010 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.
10. Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14.02.2007 về Hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp.
11. Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20.02.2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 01.2007
12. Nghị quyết 06/QN-HĐND ngày 19/4/2017 về Quy hoạch phát triển cây Quế Trà My trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Quảng Nam.

### Tài liệu tham khảo tiếng Việt

1. Bộ KH&CN (2016), Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Luật SHTT
2. Dương Đình Công (2011), *Thực thi quyền sở hữu trí tuệ theo pháp luật Việt Nam và pháp luật của một số quốc gia Đông Nam Á*,
3. Cục Sở hữu trí tuệ (2003), *Cẩm nang Sở hữu trí tuệ WIPO: Chính sách pháp luật và áp dụng*, (Chương trình hợp tác đặc biệt Việt Nam – Thụy Sĩ về Sở hữu trí tuệ) Hà Nội.

4. Nguyễn Bá Diên (2010), *Thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong tiến trình hội nhập quốc tế những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB ĐHQGHN, Hà Nội.

5. Lê Thị Thu Hà (2010), *Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp dưới góc độ thương mại đối với chỉ dẫn địa lý của Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Ngoại Thương.

6. Nguyễn Thị Hương (2015), *Bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với chỉ dẫn địa lý – kinh nghiệm của một số nước và thực tiễn tại Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ, Khoa Luật, Đại học quốc gia Hà Nội.

7. Kỷ yếu Hội thảo (2005), *Cơ chế thực thi pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam*, Đề tài trong nghiên cứu khoa học trọng điểm QGTĐ, tháng 3/2005 – Đại học Quốc gia Hà Nội.

8. Sở Công thương tỉnh Quảng Nam (2016), “Các mặt hàng xuất khẩu giai đoạn 2010-2016”.

9. Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ (2014), Bảo hộ chỉ dẫn đại lý nhìn từ góc độ nước đang phát triển.

10. Phương Thảo, Hương Trang (2017), *Bảo hộ chỉ dẫn địa lý Trà My cho sản phẩm quế*, Báo khoa học phát triển

11. Ninh Thị Thanh Thủy (2009), *Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý theo pháp luật Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học quốc gia Hà Nội.

12. Thu Trang (2018), *Phát triển và tạo dựng thương hiệu quế Trà My, Quảng Nam*, Hội quế Trà My

13. Vũ Thị Hải Yến (2008), *Bảo hộ chỉ dẫn địa lý ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội

#### **Tài liệu tham khảo tiếng Anh**

14. Chinedu Obi and Timothy Manyse (2017) *Protected geographical indication in sub-saharan African: Issues and implications*, Wageningen University & Research

15. Michael Blakeney (2014), *The Protection of Geographical Indications*, Edward Elgar Publishing

16. Norma Dawson (2000), “*The Protection of Geographical Indication in the TRIPS agreement*”, INTA Trademark Reporter

17. United States Patent and Trademark Office, Geographical Indication Protection in the United States